

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 92/2023/HSST
Ngày: 24 - 10 - 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hà;

2. Bà Trương Thị Hồng Xuân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành tham gia phiên tòa:**
Ông Vũ Minh Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2023/HSST, ngày 03 tháng 10 năm 2023 và theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày: 21/03/1975, tại **huyện H, tỉnh Bắc Giang**.

Nơi cư trú: **thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông: **Nguyễn Minh T1** (Đã chết) và bà: **Nguyễn Thị T2** - Sinh năm 1941;

Họ tên **V: Lê Thị B** - Sinh năm 1977

Trú tại: **thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**.

Bị cáo có 3 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/5/2023 đến ngày 07/06/2023, sau đó bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú của của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T**. Hiện đang chấp hành Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1- Chị **Nguyễn Thị T3**; sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn C, xã Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2- Chị Phạm Thị C; sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu M, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

3- Anh Trịnh Văn T4; sinh năm 1998

Địa chỉ: thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

4- Anh Trần Hữu T5; sinh năm 2001

Địa chỉ: thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Các người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 22 giờ 05 phút ngày 29/5/2023, Tổ tuần tra 282 Công an huyện T phối hợp với Công an xã T, huyện T tiến hành tuần tra bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn xã T, huyện T. Tổ công tác tiến hành kiểm tra hành chính Cơ sở kinh doanh Cà phê, B1-a Thái L ở thôn H, xã T, huyện T. Qua kiểm tra phát hiện tại phòng ngủ 102 thuộc dãy quán Cà phê do Nguyễn Minh T sinh năm 1975, trú tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trông coi, quản lý có 01 đôi nam nữ gồm Trịnh Văn T4 sinh năm 1998, trú tại thôn B, xã V, huyện V và Nguyễn Thị T3 sinh năm 1983, trú tại Đ, thôn C, xã Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên đang có hành vi mua bán dâm với nhau. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Minh T về hành vi Chứa mại dâm và thu giữ vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 (Một) vỏ bao cao su đã bị xé rách màu đỏ nhãn hiệu OK;
- 01 (Một) ruột bao cao su đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1907 màu xanh đen, có IMEI1 863601044077338, số IMEI2 863601044077320, có sim bên trong đã qua sử dụng của Nguyễn Minh T;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy S10E, màu xanh đen, ốp lưng nhựa màu xanh số seri PF8M620XXST, có sim bên trong đã qua sử dụng của Nguyễn Thị T3;
- Thông qua khám nghiệm hiện trường thu giữ 03 ruột bao cao su đã qua sử dụng tại phòng 102.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Minh T và các đối tượng mua, bán dâm khai nhận: Từ cuối tháng 4/2023, chị Dương Ngọc L1 sinh năm 1980, là chủ quán C1 ở thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giao quán cà phê nói trên cho Nguyễn Minh T quản lý, chịu trách nhiệm kinh doanh bán cà phê, nước giải khát. Ngày

26/5/2023, Nguyễn Thị T3 đến xin vào làm phục vụ. T đồng ý cho chị T3 ở lại quán làm việc và thống nhất trả lương hàng tháng là 3.000.000 đồng. T và T3 thỏa thuận nếu có khách có nhu cầu mua dâm T cho T3 bán dâm tại quán, giá mỗi lần bán dâm là 300.000 đồng, T3 hưởng 150.000 đồng, T hưởng 150.000 đồng. Sau đó, đến ngày 27/5/2023, Phạm Thị C sinh năm 1995, trú tại khu M, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cũng đến quán để xin làm việc và được T đồng ý đồng thời cũng thỏa thuận về việc cho C bán dâm tại quán như đã thỏa thuận với T3. T bố trí cho T3 ở phòng 102, Chúc ở phòng 101, là phòng ở của quán.

Khoảng 21 giờ ngày 29/5/2023, Trịnh Văn T4 sinh năm 1998, Trần Hữu T5 sinh năm 2001, cùng trú tại thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa đến quán gọi nước ngọt ra uống. Sau đó, T4 đến quầy lễ tân hỏi T xem có gái bán dâm không thì T trả lời là có hai gái bán dâm ở trên phòng, cứ vào xem em nào đi được thì đi. Anh T4 hỏi giá mua dâm thì T báo giá mỗi người là 300.000 đồng/lượt. T4 lấy tiền ra trả nhưng T không lấy mà bảo khi nào xong thì đưa cho nhân viên. Sau đó, T gọi cho T3 và C bảo có khách vào phòng và chỉ cho T4 và T5 đi vào phòng số 101 và 102. T5 đi vào phòng 101 để mua dâm C còn T4 đi vào phòng 102 để mua dâm Tiếp. T5 vào phòng 101 gặp C đang ở trong phòng nhưng T5 nhìn thấy C không ưng nên không mua dâm mà đi ra ngoài uống nước. T4 vào phòng 102 thì gặp T3 đang ở trong phòng. Tiếp xé 01 bao cao su có sẵn trong phòng đeo cho T4 sau đó T4 và T3 giao cấu với nhau ở trên giường ở trong phòng. Khi T4 và T3 đang giao cấu thì Công an xã T phát hiện T4 và T3 đang mua bán dâm ở phòng 102 và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang như đã nêu trên. Từ khi T3, C đến làm ở quán C1 đây là lần đầu tiên Tiên bán dâm cho T4. Đối với chị Dương Ngọc L1 là chủ quán C1, thời điểm T chứa mại dâm chị L1 đang đi chấp hành án phạt tù, trước đó chị L1 có nhờ T là em họ ở nhà đứng ra kinh doanh, quản lý hộ chị L1, việc T chứa mại dâm không bàn bạc với chị L1, chị L1 không biết nên Cơ quan điều tra không xử lý với chị L1.

Đối với Nguyễn Thị T3 đã có hành vi bán dâm, Trịnh Văn T4 đã có hành vi mua dâm. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã chuyển hồ sơ, tài liệu có liên quan đến Công an huyện T để xử phạt vi phạm hành chính theo pháp luật.

Đối với Trần Hữu T5 và Phạm Thị C có ý định mua dâm và bán dâm nhưng sau đó T5 nhìn C không ưng mắt nên không mua dâm với C nữa, từ khi C đến quán C1 cũng chưa bán dâm lần nào nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với T5 và C.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 02 điện thoại thu giữ nói trên cho chủ sở hữu vì không liên quan đến hành vi phạm tội; đối với 03 ruột bao cao su đã qua sử dụng thu giữ tại phòng 102 quá trình điều tra xác định là của Nguyễn Thị T3, theo

T3 khai nhận là của **T3** trước đó vài ngày có quan hệ tình dục với bạn trai của mình, không liên quan đến hành vi chứa mại dâm nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho **T3**.

Những vật chứng còn lại hiện đang được bảo quản chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Xác minh điều kiện kinh tế, thu nhập của bị cáo, xác định, **Nguyễn Minh T** không có tài sản riêng, tài sản chung có giá trị không lớn, thu nhập thấp.

Tại bản cáo trạng số: 91/CT-VKSTT ngày 02/10/2023, viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo **Nguyễn Minh T** về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh T** phạm tội “Chứa mại dâm”. Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T** từ 18 đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt tiền bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo **Nguyễn Minh T**.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) vỏ bao cao su đã bị xé rách màu đỏ nhãn hiệu OK;
- 01 (Một) ruột bao cao su đã qua sử dụng;

Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Minh T** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần tranh tụng tại phiên tòa:

Bị cáo **Nguyễn Minh T**, không có ý kiến tranh luận với kiểm sát viên.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện T**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Minh T** thành khẩn nhận tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 22 giờ, ngày 29 tháng 05 năm 2023, **Nguyễn Minh T** đã sử dụng **quán C1** (là quán mà **T** được **Dương Ngọc L1** thuê **T** làm quản lý) để **Nguyễn Thị T3** bán dâm cho **Trịnh Văn T4** nhằm mục đích thu tiền bất chính. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” được quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành truy tố bị cáo về tội “Chứa mại dâm” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Tính chất vụ án là nghiêm trọng do **Nguyễn Minh T** thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, đạo đức, thuần phong, mỹ tục và nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa; xâm phạm sức khỏe, phẩm giá của con người, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Để pháp luật được thực thi, trật tự an toàn xã hội được duy trì; để giáo dục người phạm tội, đấu tranh phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo là người tham gia ủng hộ quỹ phòng chống dịch COVID - 19, ủng hộ quỹ nạn nhân chất độc màu da cam tại địa phương, bị cáo có bố đẻ được Nhà Nước Lào tặng thưởng, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, những tình tiết này cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo **Nguyễn Minh T** khi phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; sau khi phạm tội đã tỏ ra ăn năn hối cải với lỗi lầm đã mắc phải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ để cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[6]. Đối với **Nguyễn Thị T3** đã có hành vi bán dâm, **Trịnh Văn T4** đã có hành vi mua dâm. Cơ quan CSĐT **Công an huyện T** đã chuyển hồ sơ, tài liệu có liên quan đến **Công an huyện T** để xử phạt vi phạm hành chính **Nguyễn Thị T3** và **Trịnh Văn T4** là đúng quy định của pháp luật.

[7]. Đối với **Trần Hữu T5** và **Phạm Thị C** có ý định mua dâm và bán dâm nhưng sau đó sự việc chưa xảy ra, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với **T5** và **C** là phù hợp.

[8]. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định hai chiếc điện thoại thu giữ của **Nguyễn Minh T** và **Nguyễn Thị T3**, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan

cảnh sát điều tra đã trả lại 02 điện thoại thu giữ nói trên cho **Nguyễn Minh T** và **Nguyễn Thị T3** là phù hợp. Đối với 03 ruột bao cao su đã qua sử dụng, thu giữ tại phòng 102, quá trình điều tra xác định là của **Nguyễn Thị T3**, không liên quan đến hành vi chứa mại dâm nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho **T3** là đúng quy định.

[9]. Về vật chứng:

- 01 (Một) vỏ bao cao su đã bị xé rách màu đỏ nhãn hiệu OK;
- 01 (Một) ruột bao cao su đã qua sử dụng;

Là công cụ phạm tội, không còn giá trị, nên tịch thu tiêu hủy.

[10]. Về hình phạt tiền bổ sung: Quá trình điều tra, xác minh điều kiện tài sản hiện tại, xác định bị cáo có tài sản chung với vợ nhưng giá trị không lớn, thu nhập của bị cáo thấp, nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[11]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh T** phạm tội “Chứa mại dâm”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T** 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 24/10/2023).

Giao bị cáo **Nguyễn Minh T** cho Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Thanh Hóa** giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) phong bì thư có viền xanh, đỏ, kích thước 18cm x 10cm được dán kín, niêm phong, bên trong chứa 01 vỏ bao cao su màu đỏ nhãn hiệu OK; 01 ruột bao cao su đã qua sử dụng. (Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản giữa cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện T** và chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành ngày 10/10/2023).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo **Nguyễn Minh T** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Thạch Thành;
- Công an huyện Thạch Thành
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Tuấn

